

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 4 – 2025
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Số A, đường N - 5B - Khu công nghiệp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Phạm Văn H1 có mặt, bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện A, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 ngày 09/6/2022). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát

sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phạm Kim A, sinh ngày 06/10/2021. Con chung từ trước đến nay chung sống cùng bà H tại Bình Dương. Khoảng hơn 1 tháng trước, ông H1 bắt con chung về gia đình ông H1 tại A mà không có được sự đồng ý của bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dạy cháu Kim A và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất cùng ngày 31/3/2025, ông Phạm Văn H1 cho biết: Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Ông H1 đồng ý ly hôn với bà H, yêu cầu được nuôi dạy con chung là cháu Phạm Kim A, sinh ngày 06/10/2021, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/3/2025. Do các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình nên hòa giải không thành. Tòa án cũng đã tiến hành đối chất giữa các đương sự.

Ngày 24/4/2025, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử. Theo đó, bà H có yêu cầu thay đổi về vấn đề con chung, bà H đồng ý để ông H1 được nuôi dạy con chung, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị H giao nộp: Bản tự khai của bà Nguyễn Thị H (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H (bản photo); Giấy khai sinh Phạm Kim A (bản sao); Giấy xác nhận của trường Mầm non Á (bản chính); Sổ theo dõi sức khỏe cháu Phạm Kim A (bản photo); Đơn yêu cầu đề ngày 24/4/2025 (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do ông Phạm Văn H1 giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Ban áp B, xã N, huyện A; biên bản đối chất ngày 31/3/2025.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H1 thống nhất thuận tình ly hôn, giữ nguyên yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Theo biên bản xác minh ngày 11/4/2025 tại Ban áp B, xã N, huyện A, đại diện Ban áp B cho biết: Gia đình ông Phạm Văn H1 tại địa phương không thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Ông H1 trước đây đi làm tại Bình Dương, chỉ trở về sinh

sống tại địa phương thời gian gần đây, không rõ nghề nghiệp của ông H1. Ông H1 hiện chung sống cùng cha và mẹ ruột. Cha ông H1 có nghề nghiệp làm ruộng, mẹ có nghề nghiệp đẩy xe bán đồ mủ, xong, chảo.

Theo biên bản đối chất ngày 31/3/2025, ông Phạm Văn H1 thống nhất với lời trình bày của bà H về nghề nghiệp, mức thu nhập cũng như khoảng thời gian cháu Kim A sinh sống cùng bà H trước khi con chung sống cùng ông H1. Ông H1 cho biết hiện đang làm ruộng của gia đình thu nhập tính theo mùa lúa, do mới về nhà phụ giúp gia đình làm ruộng nên không rõ thu nhập. Tuy nhiên, ông H1 vẫn có yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1; về con chung, đề nghị giao con chung tên Phạm Kim A, sinh ngày 06/10/2021 cho ông Phạm Văn H1 được trực tiếp nuôi dạy, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 khai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 xác định đã giao nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân nhau khoảng 02 tháng nay, không hàn gắn tình cảm. Bà H có yêu cầu được ly hôn ông H1, ông H1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H1 theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Sau khi xem xét yêu cầu và điều kiện nuôi con chung của bà H và ông H1, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để ông H1 được tiếp tục nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà H và ông H1 về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà H và ông H1 vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của ông H1 về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Phạm Văn H1. Ngược lại, ông H1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Phạm Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn H1. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn H1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Phạm Kim A, sinh ngày 06/10/2021. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Phạm Văn H1. Ngược lại, ông H1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010385 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Phạm Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Phạm Văn H1, vắng mặt bà Nguyễn Thị H. Ông H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành t quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- THADS huyện An Phú;
- UBND xã Nhơn Hội, huyện An Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn